

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
Về việc nâng lương cho công chức, viên chức năm 1999

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

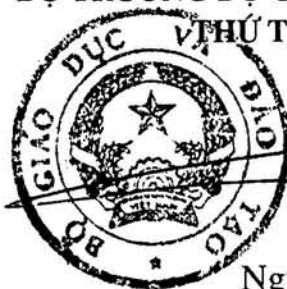
- Căn cứ Nghị định số 29/CP ngày 30-3-1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Căn cứ Nghị định số 25/CP ngày 23-5-1993 của Chính phủ qui định tạm thời chế độ tiền lương mới của công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp và lực lượng vũ trang;
- Căn cứ phân cấp tạm thời thẩm quyền quyết định lương công chức, viên chức tại văn bản số 498 CB/TCCP ngày 19-10-1993 của Ban Tổ chức-Cán bộ Chính phủ;
- Căn cứ Thông tư số 45/TCCP-BCTL ngày 11-3-1996 của Ban Tổ chức-Cán bộ Chính phủ hướng dẫn chế độ nâng bậc lương thường xuyên đối với công chức, viên chức khu vực hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể;
- Theo đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Tổ chức-Cán bộ,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Nâng bậc lương cho 262 công chức thuộc trường Đại học Nông nghiệp I (Có danh sách kèm theo)

**Điều 2:** Các ông Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức-Cán bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Tài chính, Hiệu trưởng trường Đại học Nông nghiệp I và các công chức có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**KT/ BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**VỤ TRƯỞNG**



- Nơi nhận:
- Như điều 2.
  - Lưu VP, TCCB.

Nguyễn Tấn Phát

Mẫu số 1

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP I

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ NÂNG BẬC LƯƠNG NĂM 1999 CỦA CÔNG CHỨC VIÊN CHỨC

- TỔNG SỐ VIÊN CHỨC CÓ MẬT THỜI ĐIỂM BÁO CÁO: 835 NGƯỜI;

- TRONG ĐÓ SỐ CÁN BỘ CÔNG CHỨC ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG: 262 NGƯỜI

(Đính kèm theo Quyết định số 6035 /BGD&ĐT/TCCB, ngày 30 tháng 12 năm 1999)

| STT | Họ và tên         | năm sinh |    | Trình độ<br>ch/môn | Lương đang hưởng<br>(theo ND 25/CP) |      |          |         | Kết quả nâng bậc lương |      |        |        |           | Ghi chú |
|-----|-------------------|----------|----|--------------------|-------------------------------------|------|----------|---------|------------------------|------|--------|--------|-----------|---------|
|     |                   | Nam      | Nữ |                    | Mã số                               | HSố  | Từ ngày  | Bảo lưu | Mã số                  | H.số | Chênh  | số thg | Tiền tăng |         |
| A   | B                 | 1        | 2  | 3                  | 4                                   | 5    | 6        | 7       | 8                      | 9    | 10=9-5 | 11     | 12=10*11* | 13      |
| 1   | Nguyễn văn Thế    | 52       |    | Đ.H                | 01.002                              | 3.63 | 01/04/96 |         |                        | 3.91 | 0.28   | 9      | 362880    |         |
| 2   | Nguyễn đăng Hợp   | 45       |    | Th.Sỹ-Ms           | 01.003                              | 3.06 | 01/12/96 |         |                        | 3.31 | 0.25   | 1      | 36000     |         |
| 3   | Lê văn Muôn       | 58       |    | Đ.H                | 01.003                              | 2.58 | 01/09/96 |         |                        | 2.82 | 0.24   | 4      | 138240    |         |
| 4   | Cao thị Ngọc Thúy |          | 59 | Th.Sỹ-Ms           | 01.003                              | 2.58 | 01/09/96 |         |                        | 2.82 | 0.24   | 4      | 138240    |         |
| 5   | Đỗ xuân Thẩm      | 63       |    | Đ.H                | 01.003                              | 2.1  | 01/06/96 |         |                        | 2.34 | 0.24   | 7      | 241920    |         |
| 6   | Nguyễn Thị Cúc    |          | 64 | Đ.H                | 01.003                              | 1.86 | 12/05/96 |         |                        | 2.1  | 0.24   | 8      | 276480    |         |
| 7   | Đinh thị Vân      |          | 56 | Đ.H                | 01.004                              | 2.68 | 01/09/97 |         |                        | 2.81 | 0.13   | 4      | 74880     |         |
| 8   | Nguyễn thị Hà Nam |          | 73 | CN-SơCấp           | 01.006                              | 1.62 | 01/09/97 |         |                        | 1.71 | 0.09   | 4      | 51840     |         |
| 9   | Phạm văn Học      | 47       |    | CN-SơCấp           | 01.007                              | 3.01 | 01/09/97 |         |                        | 3.14 | 0.13   | 4      | 74880     |         |
| 10  | Nguyễn thị Hương  |          | 51 | CN-SơCấp           | 01.007                              | 3.01 | 01/12/97 |         |                        | 3.14 | 0.13   | 1      | 18720     |         |
| 11  | Võ văn Mão        | 40       |    | CN-SơCấp           | 01.007                              | 3.01 | 01/12/97 |         |                        | 3.14 | 0.13   | 1      | 18720     |         |
| 12  | Đặng thị Dư       |          | 52 | CN-SơCấp           | 01.007                              | 2.75 | 01/09/97 |         |                        | 2.88 | 0.13   | 4      | 74880     |         |
| 13  | Đặng thị Hoa      |          | 45 | CN-SơCấp           | 01.007                              | 2.75 | 01/12/97 |         |                        | 2.88 | 0.13   | 1      | 18720     |         |
| 14  | Cáp sĩ Việt       | 51       |    | CN-SơCấp           | 01.007                              | 2.75 | 01/12/97 |         |                        | 2.88 | 0.13   | 1      | 18720     |         |
| 15  | Lê thị Diên       |          | 60 | CN-SơCấp           | 01.007                              | 2.62 | 01/12/97 |         |                        | 2.75 | 0.13   | 1      | 18720     |         |
| 16  | Đỗ văn Đại        | 57       |    | CN-SơCấp           | 01.007                              | 2.62 | 01/12/97 |         |                        | 2.75 | 0.13   | 1      | 18720     |         |
| 17  | Phan viết Đông    | 57       |    | CN-SơCấp           | 01.007                              | 2.62 | 01/12/97 |         |                        | 2.75 | 0.13   | 1      | 18720     |         |
| 18  | Bùi văn Gấm       | 56       |    | CN-SơCấp           | 01.007                              | 2.62 | 01/12/97 |         |                        | 2.75 | 0.13   | 1      | 18720     |         |
| 19  | Lê thị Hồng       |          | 52 | CN-SơCấp           | 01.007                              | 2.62 | 01/12/97 |         |                        | 2.75 | 0.13   | 1      | 18720     |         |
| 20  | Nguyễn huy Huân   | 48       |    | CN-SơCấp           | 01.007                              | 2.62 | 01/12/97 |         |                        | 2.75 | 0.13   | 1      | 18720     |         |

| A  | B                   | 1  | 2  | 3        | 4      | 5    | 6        | 7 | 8 | 9    | 10=9-5 | 11 | 12=10*11* | 13 |
|----|---------------------|----|----|----------|--------|------|----------|---|---|------|--------|----|-----------|----|
| 21 | Nguyễn hồng Lạng    | 54 |    | CN-SơCấp | 01.007 | 2.62 | 01/12/96 |   |   | 2.75 | 0.13   | 1  | 18720     |    |
| 22 | Nguyễn cầu Lập      | 54 |    | CN-SơCấp | 01.007 | 2.62 | 01/12/97 |   |   | 2.75 | 0.13   | 1  | 18720     |    |
| 23 | Phạm thị Hồng Nhung |    | 61 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.62 | 01/12/96 |   |   | 2.75 | 0.13   | 1  | 18720     |    |
| 24 | Vũ thị Phan         |    | 57 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.62 | 01/12/97 |   |   | 2.75 | 0.13   | 1  | 18720     |    |
| 25 | Bùi đình Phiêu      | 55 |    | CN-SơCấp | 01.007 | 2.62 | 01/12/97 |   |   | 2.75 | 0.13   | 1  | 18720     |    |
| 26 | Tạ ngọc Phóng       | 50 |    | CN-SơCấp | 01.007 | 2.62 | 01/12/97 |   |   | 2.75 | 0.13   | 1  | 18720     |    |
| 27 | Cao văn Tấn         | 55 |    | CN-SơCấp | 01.007 | 2.62 | 01/12/97 |   |   | 2.75 | 0.13   | 1  | 18720     |    |
| 28 | Đào duy Thứ         | 48 |    | CN-SơCấp | 01.007 | 2.75 | 01/12/97 |   |   | 2.88 | 0.13   | 1  | 18720     |    |
| 29 | Nguyễn Tất Tố       | 55 |    | CN-SơCấp | 01.007 | 2.62 | 01/12/97 |   |   | 2.75 | 0.13   | 1  | 18720     |    |
| 30 | Ng. Thị Việt Anh    |    | 60 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.49 | 01/12/97 |   |   | 2.62 | 0.13   | 1  | 18720     |    |
| 31 | Nguyễn văn Bản      | 53 |    | CN-SơCấp | 01.007 | 2.62 | 01/09/97 |   |   | 2.75 | 0.13   | 4  | 74880     |    |
| 32 | Ngô xuân Bắc        | 54 |    | CN-SơCấp | 01.007 | 2.49 | 01/12/97 |   |   | 2.62 | 0.13   | 1  | 18720     |    |
| 33 | Nguyễn văn Hành     | 60 |    | CN-SơCấp | 01.007 | 2.36 | 01/12/97 |   |   | 2.49 | 0.13   | 1  | 18720     |    |
| 34 | Ng. Thị Bích Hạnh   |    | 63 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.49 | 01/12/97 |   |   | 2.62 | 0.13   | 1  | 18720     |    |
| 35 | Ng thi Mai Hoa      |    | 57 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.49 | 01/12/97 |   |   | 2.62 | 0.13   | 1  | 18720     |    |
| 36 | Nguyễn thị Hòa      |    | 58 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.49 | 01/12/97 |   |   | 2.62 | 0.13   | 1  | 18720     |    |
| 37 | Hoàng Ngọc Lâm      | 61 |    | CN-SơCấp | 01.007 | 2.36 | 01/12/97 |   |   | 2.49 | 0.13   | 1  | 18720     |    |
| 38 | Nguyễn thị Lý H     |    | 60 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.49 | 01/12/97 |   |   | 2.62 | 0.13   | 1  | 18720     |    |
| 39 | Nguyễn thị Lý N     |    | 60 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.49 | 01/12/97 |   |   | 2.62 | 0.13   | 1  | 18720     |    |
| 40 | Lê thị Minh         |    | 62 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.49 | 01/09/97 |   |   | 2.62 | 0.13   | 4  | 74880     |    |
| 41 | Nguyễn thị Mưa      |    | 52 | T.C      | 01.007 | 2.49 | 01/12/97 |   |   | 2.62 | 0.13   | 1  | 18720     |    |
| 42 | Trần thị Nga        |    | 59 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.49 | 01/12/97 |   |   | 2.62 | 0.13   | 1  | 18720     |    |
| 43 | Phạm thị Tâm        |    | 52 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.49 | 01/12/97 |   |   | 2.62 | 0.13   | 1  | 18720     |    |
| 44 | Đào trọng Thắng     | 56 |    | CN-SơCấp | 01.007 | 2.49 | 01/09/97 |   |   | 2.62 | 0.13   | 4  | 74880     |    |
| 45 | Phùng Kim Thoa      |    | 60 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.49 | 01/12/97 |   |   | 2.62 | 0.13   | 1  | 18720     |    |
| 46 | Nguyễn Hồng Thúy    |    | 62 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.49 | 01/12/97 |   |   | 2.62 | 0.13   | 1  | 18720     |    |
| 47 | Nguyễn thị Thực     |    | 51 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.49 | 01/12/97 |   |   | 2.62 | 0.13   | 1  | 18720     |    |
| 48 | Lưu thị Tủy         |    | 59 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.49 | 01/12/97 |   |   | 2.62 | 0.13   | 1  | 18720     |    |



| A  | B                    | 1  | 2  | 3        | 4      | 5    | 6        | 7 | 8 | 9    | 10=9-5 | 11 | 12=10*11* | 13 |
|----|----------------------|----|----|----------|--------|------|----------|---|---|------|--------|----|-----------|----|
| 49 | Trần thị Vân         |    | 59 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.49 | 01/12/97 |   |   | 2.62 | 0.13   | 1  | 18720     |    |
| 50 | Nguyễn văn Vế        | 57 |    | CN-SơCấp | 01.007 | 2.49 | 01/12/97 |   |   | 2.62 | 0.13   | 1  | 18720     |    |
| 51 | Hoàng thị Thanh Xuân |    | 58 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.49 | 01/12/97 |   |   | 2.62 | 0.13   | 1  | 18720     |    |
| 52 | Nguyễn thị Xuyên     |    | 59 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.49 | 01/12/97 |   |   | 2.62 | 0.13   | 1  | 18720     |    |
| 53 | Vũ hồng Châu         | 57 |    | CN-SơCấp | 01.007 | 2.36 | 01/12/97 |   |   | 2.49 | 0.13   | 1  | 18720     |    |
| 54 | Nguyễn văn Duy       | 56 |    | CN-SơCấp | 01.007 | 2.36 | 01/09/97 |   |   | 2.49 | 0.13   | 4  | 74880     |    |
| 55 | Nguyễn văn Lơ        | 61 |    | T.C      | 01.007 | 2.36 | 01/11/97 |   |   | 2.49 | 0.13   | 2  | 37440     |    |
| 56 | Nguyễn bá Minh       | 60 |    | CN-SơCấp | 01.007 | 2.24 | 01/12/97 |   |   | 2.36 | 0.12   | 1  | 17280     |    |
| 57 | Nguyễn ninh Thành    | 62 |    | CN-SơCấp | 01.007 | 2.36 | 01/12/97 |   |   | 2.49 | 0.13   | 1  | 18720     |    |
| 58 | Nguyễn đăng Thắng    | 62 |    | CN-SơCấp | 01.007 | 2.24 | 01/12/97 |   |   | 2.36 | 0.12   | 1  | 17280     |    |
| 59 | Nguyễn năng Bình     | 59 |    | CN-SơCấp | 01.007 | 2.24 | 01/11/97 |   |   | 2.36 | 0.12   | 2  | 34560     |    |
| 60 | Hồ thị Hồng Lan      |    | 61 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.24 | 01/12/97 |   |   | 2.36 | 0.12   | 1  | 17280     |    |
| 61 | Hoàng Sơn            | 62 |    | CN-SơCấp | 01.007 | 2.24 | 01/12/97 |   |   | 2.36 | 0.12   | 1  | 17280     |    |
| 62 | Nguyễn văn Thắng     | 62 |    | CN-SơCấp | 01.007 | 2.24 | 01/12/97 |   |   | 2.36 | 0.12   | 1  | 17280     |    |
| 63 | Vũ Kim Hoa           |    | 60 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.12 | 01/12/97 |   |   | 2.24 | 0.12   | 1  | 17280     |    |
| 64 | Trần thị Huệ         |    | 65 | CN-SơCấp | 01.007 | 2    | 01/12/97 |   |   | 2.12 | 0.12   | 1  | 17280     |    |
| 65 | Lê đức Hùng          | 59 |    | CN-SơCấp | 01.007 | 2.24 | 01/12/97 |   |   | 2.36 | 0.12   | 1  | 17280     |    |
| 66 | Tôn thất Lâm         | 56 |    | CN-SơCấp | 01.007 | 2.24 | 01/12/97 |   |   | 2.36 | 0.12   | 1  | 17280     |    |
| 67 | Lê thị Bích Liên     |    | 61 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.24 | 01/09/97 |   |   | 2.36 | 0.12   | 4  | 69120     |    |
| 68 | Hồ bắc Sơn           | 56 |    | CN-SơCấp | 01.007 | 2.12 | 01/12/97 |   |   | 2.24 | 0.12   | 1  | 17280     |    |
| 69 | Vũ thi Dân           |    | 69 | CN-SơCấp | 01.007 | 2    | 01/09/97 |   |   | 2.12 | 0.12   | 4  | 69120     |    |
| 70 | Ng thi Bạch Yến      |    | 60 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.12 | 01/09/97 |   |   | 2.24 | 0.12   | 4  | 69120     |    |
| 71 | Nguyễn tố Vũ         | 60 |    | CN-SơCấp | 01.007 | 2.49 | 01/11/97 |   |   | 2.62 | 0.13   | 2  | 37440     |    |
| 72 | Phạm thị Bình        |    | 55 | CN-SơCấp | 01.008 | 2.3  | 01/12/97 |   |   | 2.39 | 0.09   | 1  | 12960     |    |
| 73 | Nguyễn thị Khanh     |    | 60 | CN-SơCấp | 01.008 | 2.12 | 01/12/97 |   |   | 2.24 | 0.12   | 1  | 17280     |    |
| 74 | Nguyễn thị Khánh     |    | 60 | CN-SơCấp | 01.008 | 2.21 | 01/12/97 |   |   | 2.3  | 0.09   | 1  | 12960     |    |
| 75 | Nguyễn thị Minh      |    | 66 | CN-SơCấp | 01.008 | 1.67 | 01/09/97 |   |   | 1.76 | 0.09   | 4  | 51840     |    |
| 76 | Ng. Thị Hoài Hương   |    | 69 | Đ.H      | 01.008 | 1.31 | 09/09/97 |   |   | 1.4  | 0.09   | 4  | 51840     |    |

| A   | B                  | 1  | 2  | 3         | 4      | 5    | 6        | 7 | 8 | 9    | 10=9-5 | 11 | 12=10*11* | 13 |
|-----|--------------------|----|----|-----------|--------|------|----------|---|---|------|--------|----|-----------|----|
| 77  | Dương trọng Hảo    | 45 |    | CN-SơCấp  | 01.010 | 3.24 | 01/09/97 |   |   | 3.35 | 0.11   | 4  | 63360     |    |
| 78  | Nguyễn văn Khuê    | 40 |    | CN-SơCấp  | 01.010 | 3.24 | 01/09/97 |   |   | 3.35 | 0.11   | 4  | 63360     |    |
| 79  | Nguyễn văn Tu      | 42 |    | CN-SơCấp  | 01.010 | 3.24 | 01/09/97 |   |   | 3.35 | 0.11   | 4  | 63360     |    |
| 80  | Nguyễn công Trứ    | 44 |    | CN-SơCấp  | 01.010 | 3.02 | 01/09/97 |   |   | 3.13 | 0.11   | 4  | 63360     |    |
| 81  | Trần văn Hải       | 58 |    | CN-SơCấp  | 01.010 | 2.8  | 01/09/97 |   |   | 2.91 | 0.11   | 4  | 63360     |    |
| 82  | Bùi trung Lương    | 60 |    | CN-SơCấp  | 01.010 | 2.58 | 01/12/97 |   |   | 2.69 | 0.11   | 1  | 15840     |    |
| 83  | Lê minh Thao       | 48 |    | CN-SơCấp  | 01.010 | 2.58 | 01/09/97 |   |   | 2.69 | 0.11   | 4  | 63360     |    |
| 84  | Phùng xuân Ngà     | 53 |    | KhôngBCấp | 01.011 | 2.34 | 01/12/97 |   |   | 2.43 | 0.09   | 1  | 12960     |    |
| 85  | Nguyễn huy Biếm    | 57 |    | KhôngBCấp | 01.011 | 2.25 | 01/12/97 |   |   | 2.34 | 0.09   | 1  | 12960     |    |
| 86  | Nguyễn đức Năng    | 61 |    | KhôngBCấp | 01.011 | 2.25 | 01/09/97 |   |   | 2.34 | 0.09   | 4  | 51840     |    |
| 87  | Bùi trung Sơn      | 64 |    | CN-SơCấp  | 01.011 | 2.07 | 01/07/97 |   |   | 2.16 | 0.09   | 6  | 77760     |    |
| 88  | Vũ đình Tâm        | 64 |    | CN-SơCấp  | 01.011 | 2.07 | 01/07/97 |   |   | 2.16 | 0.09   | 6  | 77760     |    |
| 89  | Nguyễn Viết Thẩn   | 58 |    | KhôngBCấp | 01.011 | 2.07 | 01/10/97 |   |   | 2.16 | 0.09   | 3  | 38880     |    |
| 90  | Đặng quang ứng     | 60 |    | KhôngBCấp | 01.011 | 2.16 | 01/11/97 |   |   | 2.25 | 0.09   | 2  | 25920     |    |
| 91  | Nguyễn Quang Phong | 63 |    | KhôngBCấp | 01.011 | 1.98 | 01/12/97 |   |   | 2.07 | 0.09   | 1  | 12960     |    |
| 92  | Lưu quang Hồng     | 64 |    | KhôngBCấp | 01.011 | 1.62 | 01/07/97 |   |   | 1.71 | 0.09   | 6  | 77760     |    |
| 93  | Dương thị Thường   |    | 60 | T.C       | 02.015 | 2.3  | 01/11/97 |   |   | 2.42 | 0.12   | 2  | 34560     |    |
| 94  | Nguyễn hữu Hoan    | 50 |    | Th.Sỹ-Ms  | 06.031 | 2.74 | 01/12/96 |   |   | 2.98 | 0.24   | 1  | 34560     |    |
| 95  | Phạm thị Hiền      |    | 61 | Đ.H       | 06.031 | 2.5  | 01/09/96 |   |   | 2.74 | 0.24   | 4  | 138240    |    |
| 96  | Nguyễn thị Thừa    |    | 45 | Đ.H       | 06.031 | 2.5  | 01/09/96 |   |   | 2.74 | 0.24   | 4  | 138240    |    |
| 97  | Ng. Thị Tuyết Sơn  |    | 59 | Đ.H       | 06.031 | 2.26 | 01/12/96 |   |   | 2.5  | 0.24   | 1  | 34560     |    |
| 98  | Trần thị Thu       |    | 46 | T.C       | 06.032 | 2.81 | 01/11/97 |   |   | 2.94 | 0.13   | 2  | 37440     |    |
| 99  | Đào thị Bầu        |    | 56 | T.C       | 06.032 | 2.3  | 01/12/97 |   |   | 2.42 | 0.12   | 1  | 17280     |    |
| 100 | Phan Thị Hồng Hà   |    | 55 | T.C       | 06.032 | 2.3  | 01/12/97 |   |   | 2.42 | 0.12   | 1  | 17280     |    |
| 101 | Hoàng văn Việt     | 55 |    | CN-SơCấp  | 06.035 | 2.24 | 01/12/97 |   |   | 2.36 | 0.12   | 1  | 17280     |    |
| 102 | Trần Như Định      | 43 |    | Đ.H       | 13.095 | 3.48 | 01/12/96 |   |   | 3.73 | 0.25   | 1  | 36000     |    |
| 103 | Nguyễn thị Nhiệm   |    | 47 | Đ.H       | 13.095 | 2.98 | 01/09/96 |   |   | 3.23 | 0.25   | 4  | 144000    |    |
| 104 | Nguyễn xuân Sáng   | 50 |    | Đ.H       | 13.095 | 2.98 | 01/09/96 |   |   | 3.23 | 0.25   | 4  | 144000    |    |

| A   | B                 | 1  | 2  | 3        | 4      | 5    | 6        | 7 | 8 | 9    | 10=9.5 | 11 | 12=10*11* | 13 |
|-----|-------------------|----|----|----------|--------|------|----------|---|---|------|--------|----|-----------|----|
| 105 | Chu đình Thuận    | 43 |    | Đ.H      | 13.095 | 2.98 | 01/09/96 |   |   | 3.23 | 0.25   | 4  | 144000    |    |
| 106 | Trần thị Việt     |    | 46 | Đ.H      | 13.095 | 2.98 | 01/09/96 |   |   | 3.23 | 0.25   | 4  | 144000    |    |
| 107 | Đào thị Yên       |    | 49 | Đ.H      | 13.095 | 2.98 | 01/12/96 |   |   | 3.23 | 0.25   | 1  | 36000     |    |
| 108 | Tăng thị Năm      |    | 49 | Đ.H      | 13.095 | 2.74 | 01/09/96 |   |   | 2.98 | 0.24   | 4  | 138240    |    |
| 109 | Lê thị Hồng Xuân  |    | 57 | Th.Sỹ-Ms | 13.095 | 2.5  | 01/09/96 |   |   | 2.74 | 0.24   | 4  | 138240    |    |
| 110 | Vũ Thị Đào        |    | 71 | Đ.H      | 13.095 | 1.78 | 12/05/96 |   |   | 2.02 | 0.24   | 8  | 276480    |    |
| 111 | Hoàng Hải Hà      | 72 |    | Đ.H      | 13.095 | 1.78 | 12/05/96 |   |   | 2.02 | 0.24   | 8  | 276480    |    |
| 112 | Sử Thanh Long     | 71 |    | Th.Sỹ-Ms | 13.095 | 1.78 | 12/05/96 |   |   | 2.02 | 0.24   | 8  | 276480    |    |
| 113 | Nguyễn Đình Thi   | 65 |    | Th.Sỹ-Ms | 13.095 | 1.78 | 12/05/96 |   |   | 2.02 | 0.24   | 8  | 276480    |    |
| 114 | Nguyễn thị Nhã    |    | 49 | T.C      | 13.096 | 2.81 | 01/12/97 |   |   | 2.94 | 0.13   | 1  | 18720     |    |
| 115 | Đặng văn Truyền   | 52 |    | T.C      | 13.096 | 2.81 | 01/09/97 |   |   | 2.94 | 0.13   | 4  | 74880     |    |
| 116 | Nguyễn thị Vỹ     |    | 45 | T.C      | 13.096 | 2.81 | 01/12/97 |   |   | 2.94 | 0.13   | 1  | 18720     |    |
| 117 | Lê thị Lan        |    | 50 | T.C      | 13.096 | 2.55 | 01/11/97 |   |   | 2.68 | 0.13   | 2  | 37440     |    |
| 118 | Dương thị Kim Qui |    | 54 | T.C      | 13.096 | 2.55 | 01/11/97 |   |   | 2.68 | 0.13   | 2  | 37440     |    |
| 119 | Ng. Thị Hằng Nga  |    | 66 | Đ.H      | 13.096 | 1.94 | 01/11/97 |   |   | 2.06 | 0.12   | 2  | 34560     |    |
| 120 | Lê Thị Thắm       |    | 62 | Đ.H      | 13.096 | 1.7  | 01/01/97 |   |   | 1.82 | 0.12   | 12 | 207360    |    |
| 121 | Đặng thế Huy      | 37 |    | PTS      | 15.109 | 6.26 | 01/09/96 |   |   | 6.67 | 0.41   | 4  | 236160    |    |
| 122 | Nguyễn hữu Tề     | 41 |    | Tiến Sỹ  | 15.109 | 5.23 | 01/12/96 |   |   | 5.54 | 0.31   | 1  | 44640     |    |
| 123 | Hoàng minh Tấn    | 41 |    | PTS      | 15.109 | 4.92 | 01/10/96 |   |   | 5.23 | 0.31   | 3  | 133920    |    |
| 124 | Đoàn tử Lâm       | 39 |    | Đ.H      | 15.110 | 5.31 | 01/10/96 |   |   | 5.6  | 0.29   | 3  | 125280    |    |
| 125 | Lê chu Lịch       | 40 |    | Đ.H      | 15.110 | 5.31 | 01/12/96 |   |   | 5.6  | 0.29   | 1  | 41760     |    |
| 126 | Nguyễn doãn Nho   | 39 |    | Đ.H      | 15.110 | 5.31 | 01/10/96 |   |   | 5.6  | 0.29   | 3  | 125280    |    |
| 127 | Lê tôn An         | 42 |    | Đ.H      | 15.110 | 4.75 | 01/10/96 |   |   | 5.03 | 0.28   | 3  | 120960    |    |
| 128 | Nguyễn nguyên Cư  | 42 |    | PTS      | 15.110 | 4.75 | 01/11/96 |   |   | 5.03 | 0.28   | 2  | 80640     |    |
| 129 | Đàm văn Doãn      | 42 |    | Đ.H      | 15.110 | 4.75 | 01/10/96 |   |   | 5.03 | 0.28   | 3  | 120960    |    |
| 130 | Hoàng Hà          | 43 |    | PTS      | 15.110 | 4.75 | 01/10/96 |   |   | 5.03 | 0.28   | 3  | 120960    |    |
| 131 | Nguyễn văn Hiến   | 42 |    | PTS      | 15.110 | 4.75 | 01/11/96 |   |   | 5.03 | 0.28   | 2  | 80640     |    |
| 132 | Đinh văn Hiến     | 42 |    | Đ.H      | 15.110 | 4.75 | 01/10/96 |   |   | 5.03 | 0.28   | 3  | 120960    |    |



| A   | B                    | 1  | 2  | 3        | 4      | 5    | 6        | 7 | 8 | 9 *  | 10=9-5 | 11 | 12=10*11* | 13 |
|-----|----------------------|----|----|----------|--------|------|----------|---|---|------|--------|----|-----------|----|
| 133 | Hoàng đình Hiếu      | 42 |    | PTS      | 15.110 | 4.75 | 01/11/96 |   |   | 5.03 | 0.28   | 2  | 80640     |    |
| 134 | Trần hữu Huệ         | 41 |    | PTS      | 15.110 | 5.03 | 31/12/96 |   |   | 5.31 | 0.28   | 1  | 40320     |    |
| 135 | Nguyễn văn Kinh      | 45 |    | PTS      | 15.110 | 4.75 | 01/10/96 |   |   | 5.03 | 0.28   | 3  | 120960    |    |
| 136 | Nguyễn hải Quân      | 42 |    | PTS      | 15.110 | 4.75 | 01/10/96 |   |   | 5.03 | 0.28   | 3  | 120960    |    |
| 137 | Vũ văn Soan          | 40 |    | Đ.H      | 15.110 | 4.75 | 01/10/96 |   |   | 5.03 | 0.28   | 3  | 120960    |    |
| 138 | Nguyễn trọng Tiến    | 42 |    | Th.Sỹ-Ms | 15.110 | 4.75 | 01/12/96 |   |   | 5.03 | 0.28   | 1  | 40320     |    |
| 139 | Chu gia Viễn         | 45 |    | Đ.H      | 15.110 | 4.75 | 01/10/96 |   |   | 5.03 | 0.28   | 3  | 120960    |    |
| 140 | Ngô tất Vĩnh         | 42 |    | PTS      | 15.110 | 5.03 | 31/12/96 |   |   | 5.31 | 0.28   | 1  | 40320     |    |
| 141 | Đỗ văn Công          | 47 |    | Đ.H      | 15.110 | 3.91 | 01/04/96 |   |   | 4.19 | 0.28   | 9  | 362880    |    |
| 142 | Đặng hữu Hiền        | 43 |    | Đ.H      | 15.110 | 4.19 | 01/11/96 |   |   | 4.47 | 0.28   | 2  | 80640     |    |
| 143 | Mac ánh Hùng         | 42 |    | PTS      | 15.110 | 4.47 | 31/12/96 |   |   | 4.75 | 0.28   | 1  | 40320     |    |
| 144 | Nguyễn đức Khiêm     | 42 |    | PTS      | 15.110 | 4.47 | 31/12/96 |   |   | 4.75 | 0.28   | 1  | 40320     |    |
| 145 | Nguyễn Đình Mạnh     | 43 |    | PTS      | 15.110 | 4.47 | 31/12/96 |   |   | 4.75 | 0.28   | 1  | 40320     |    |
| 146 | Nguyễn văn Muốn      | 52 |    | PTS      | 15.110 | 3.91 | 01/04/96 |   |   | 4.19 | 0.28   | 9  | 362880    |    |
| 147 | Đào châu Thu         |    | 46 | PTS      | 15.110 | 4.19 | 01/12/96 |   |   | 4.47 | 0.28   | 1  | 40320     |    |
| 148 | Nghiêm thị Bích Hà   |    | 44 | Đ.H      | 15.110 | 4.19 | 01/12/96 |   |   | 4.47 | 0.28   | 1  | 40320     |    |
| 149 | Bùi hữu Đoàn         | 54 |    | Tiến Sỹ  | 15.110 | 3.91 | 31/12/96 |   |   | 4.19 | 0.28   | 1  | 40320     |    |
| 150 | Đàm xuân Hoàn        | 47 |    | PTS      | 15.110 | 3.91 | 01/12/96 |   |   | 4.19 | 0.28   | 1  | 40320     |    |
| 151 | Đặng văn Hồng        | 49 |    | Đ.H      | 15.110 | 3.91 | 01/12/96 |   |   | 4.19 | 0.28   | 1  | 40320     |    |
| 152 | Hoàng văn Mùa        | 48 |    | Th.Sỹ-Ms | 15.110 | 3.91 | 01/12/96 |   |   | 4.19 | 0.28   | 1  | 40320     |    |
| 153 | Nguyễn hữu Ngoan     | 52 |    | PTS      | 15.110 | 3.91 | 31/12/96 |   |   | 4.19 | 0.28   | 1  | 40320     |    |
| 154 | Trần văn Chính       | 50 |    | PTS      | 15.110 | 3.35 | 01/12/96 |   |   | 3.63 | 0.28   | 1  | 40320     |    |
| 155 | Trần đình Đông       | 55 |    | PTS      | 15.110 | 3.35 | 01/12/96 |   |   | 3.63 | 0.28   | 1  | 40320     |    |
| 156 | Quyên đình Hà        | 53 |    | PTS      | 15.110 | 3.35 | 01/12/96 |   |   | 3.63 | 0.28   | 1  | 40320     |    |
| 157 | Trần quang Khánh     | 52 |    | PTS      | 15.110 | 3.35 | 01/12/96 |   |   | 3.63 | 0.28   | 1  | 40320     |    |
| 158 | Đoàn văn Lư          | 54 |    | PTS      | 15.110 | 3.35 | 01/12/96 |   |   | 3.63 | 0.28   | 1  | 40320     |    |
| 159 | Đinh thị Nông        |    | 50 | Th.Sỹ-Ms | 15.110 | 3.35 | 01/12/96 |   |   | 3.63 | 0.28   | 1  | 40320     |    |
| 160 | Phan thị Liên Phương |    | 49 | Th.Sỹ-Ms | 15.110 | 3.35 | 01/12/96 |   |   | 3.63 | 0.28   | 1  | 40320     |    |

| A   | B                   | 1  | 2  | 3        | 4      | 5    | 6        | 7 | 8 | 9    | 10=9-5 | 11 | 12=10*11* | 13 |
|-----|---------------------|----|----|----------|--------|------|----------|---|---|------|--------|----|-----------|----|
| 161 | Phan văn Thắng      | 52 |    | Đ.H      | 15.110 | 3.35 | 01/12/96 |   |   | 3.63 | 0.28   | 1  | 40320     |    |
| 162 | Nguyễn bách Việt    | 50 |    | Th.Sỹ-Ms | 15.110 | 3.35 | 01/12/96 |   |   | 3.63 | 0.28   | 1  | 40320     |    |
| 163 | Phan quỳnh Sơn      | 56 |    | PTS      | 15.110 | 3.35 | 01/12/96 |   |   | 3.63 | 0.28   | 1  | 40320     |    |
| 164 | Đoàn văn Cán        | 50 |    | Đ.H      | 15.111 | 3.87 | 01/11/96 |   |   | 4.12 | 0.25   | 2  | 72000     |    |
| 165 | Bùi thị Kim Dung    |    | 44 | Đ.H      | 15.111 | 3.87 | 01/12/96 |   |   | 4.12 | 0.25   | 1  | 36000     |    |
| 166 | Lê diệp Đình        | 49 |    | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 3.87 | 01/12/96 |   |   | 4.12 | 0.25   | 1  | 36000     |    |
| 167 | Đỗ thị mộng Hằng    |    | 46 | Đ.H      | 15.111 | 3.87 | 01/11/96 |   |   | 4.12 | 0.25   | 2  | 72000     |    |
| 168 | Vũ văn Liệt         | 54 |    | PTS      | 15.111 | 3.62 | 01/04/96 |   |   | 3.87 | 0.25   | 9  | 324000    |    |
| 169 | Vì văn Năng         | 52 |    | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 3.87 | 31/12/96 |   |   | 4.12 | 0.25   | 1  | 36000     |    |
| 170 | Nguyễn đình Ninh    | 45 |    | Đ.H      | 15.111 | 3.87 | 01/12/96 |   |   | 4.12 | 0.25   | 1  | 36000     |    |
| 171 | Nguyễn thị Bình Tâm |    | 51 | Đ.H      | 15.111 | 3.87 | 01/11/96 |   |   | 4.12 | 0.25   | 2  | 72000     |    |
| 172 | Đỗ đang Bảy         | 50 |    | Đ.H      | 15.111 | 3.37 | 01/09/96 |   |   | 3.62 | 0.25   | 4  | 144000    |    |
| 173 | Võ văn Cầu          | 52 |    | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 3.37 | 01/09/96 |   |   | 3.62 | 0.25   | 4  | 144000    |    |
| 174 | Nguyễn thị Chác     |    | 53 | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 3.37 | 01/12/96 |   |   | 3.62 | 0.25   | 1  | 36000     |    |
| 175 | Trần thị Hiên       |    | 53 | Đ.H      | 15.111 | 3.12 | 01/10/96 |   |   | 3.37 | 0.25   | 3  | 108000    |    |
| 176 | Đỗ thị Hòa          |    | 51 | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 3.37 | 01/09/96 |   |   | 3.62 | 0.25   | 4  | 144000    |    |
| 177 | Lê thị Hợp          |    | 50 | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 3.37 | 01/09/96 |   |   | 3.62 | 0.25   | 4  | 144000    |    |
| 178 | Nguyễn thị Nhấn     |    | 53 | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 3.37 | 01/11/96 |   |   | 3.62 | 0.25   | 2  | 72000     |    |
| 179 | Đỗ thành Xương      | 51 |    | Đ.H      | 15.111 | 3.37 | 01/11/96 |   |   | 3.62 | 0.25   | 2  | 72000     |    |
| 180 | Bùi xuân Sưu        | 55 |    | Đ.H      | 15.111 | 3.37 | 01/11/96 |   |   | 3.62 | 0.25   | 2  | 72000     |    |
| 181 | Nguyễn hải Thanh    | 56 |    | Tiến Sỹ  | 15.111 | 3.37 | 01/09/96 |   |   | 3.62 | 0.25   | 4  | 144000    |    |
| 182 | Phạm thị Thành      | 45 |    | Đ.H      | 15.111 | 3.12 | 01/09/96 |   |   | 3.37 | 0.25   | 4  | 144000    |    |
| 183 | Nguyễn thanh Thế    | 51 |    | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 3.37 | 01/09/96 |   |   | 3.62 | 0.25   | 4  | 144000    |    |
| 184 | Trần danh Thìn      | 52 |    | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 3.37 | 01/11/96 |   |   | 3.62 | 0.25   | 2  | 72000     |    |
| 185 | Bùi Hữu Toàn        | 46 |    | Đ.H      | 15.111 | 3.37 | 01/12/96 |   |   | 3.62 | 0.25   | 1  | 36000     |    |
| 186 | Nguyễn thị Vang     |    | 54 | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 3.37 | 01/11/96 |   |   | 3.62 | 0.25   | 2  | 72000     |    |
| 187 | Lê năng Văn         | 51 |    | Đ.H      | 15.111 | 3.37 | 01/09/96 |   |   | 3.62 | 0.25   | 4  | 144000    |    |
| 188 | Nguyễn thị lý Anh   |    | 57 | PTS      | 15.111 | 2.88 | 01/12/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 1  | 34560     |    |



| A   | B                    | 1  | 2  | 3        | 4      | 5    | 6        | 7 | 8 | 9    | 10=9-5 | 11 | 12=10*11* | 13 |
|-----|----------------------|----|----|----------|--------|------|----------|---|---|------|--------|----|-----------|----|
| 189 | Lê văn Bích          | 58 |    | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 2.88 | 01/12/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 1  | 34560     |    |
| 190 | Vũ thi Minh Châu     |    | 59 | Đ.H      | 15.111 | 2.88 | 01/12/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 1  | 34560     |    |
| 191 | Nguyễn thi Chác      |    | 55 | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 2.88 | 01/09/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 4  | 138240    |    |
| 192 | Đỗ thị Quỳnh Chi     |    | 60 | Đ.H      | 15.111 | 2.88 | 01/09/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 4  | 138240    |    |
| 193 | Lê bá Chức           | 52 |    | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 2.88 | 01/10/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 3  | 103680    |    |
| 194 | Nguyễn huy Cường     | 55 |    | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 2.88 | 01/11/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 2  | 69120     |    |
| 195 | Kim thi Dung         |    | 58 | Đ.H      | 15.111 | 2.88 | 01/09/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 4  | 138240    |    |
| 196 | Đặng thi Dung        |    | 52 | T.Sỹ     | 15.111 | 3.12 | 31/12/96 |   |   | 3.37 | 0.25   | 1  | 36000     |    |
| 197 | Hàn trung Dũng       | 58 |    | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 2.88 | 01/09/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 4  | 138240    |    |
| 198 | Lê thi Bích Đào      |    | 55 | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 2.88 | 01/09/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 4  | 138240    |    |
| 199 | Nguyễn trọng Đắc     | 54 |    | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 2.88 | 01/09/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 4  | 138240    |    |
| 200 | Bùi thi Đoan         |    | 56 | Đ.H      | 15.111 | 2.88 | 01/11/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 2  | 69120     |    |
| 201 | Nguyễn văn Đường     | 57 |    | Đ.H      | 15.111 | 2.88 | 01/09/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 4  | 138240    |    |
| 202 | Ng. Thị Thanh Hà     |    | 57 | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 2.88 | 01/09/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 4  | 138240    |    |
| 203 | Phạm thi Hằng        |    | 56 | Đ.H      | 15.111 | 2.88 | 01/09/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 4  | 138240    |    |
| 204 | Đặng thi Việt Hoa    |    | 54 | Đ.H      | 15.111 | 2.88 | 01/12/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 1  | 34560     |    |
| 205 | Võ quý Hoan          | 58 |    | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 2.88 | 01/10/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 3  | 103680    |    |
| 206 | Hoàng văn Hưng       | 58 |    | Đ.H      | 15.111 | 2.88 | 01/11/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 2  | 69120     |    |
| 207 | Nguyễn văn Hựu       | 57 |    | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 2.88 | 01/12/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 1  | 34560     |    |
| 208 | Ng. Thị Hồng Linh    |    | 58 | PTS      | 15.111 | 2.88 | 01/12/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 1  | 34560     |    |
| 209 | Nguyễn văn Mác       | 57 |    | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 2.88 | 01/11/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 2  | 69120     |    |
| 210 | Cao thi Ngọc Mậu     |    | 58 | Đ.H      | 15.111 | 2.88 | 01/11/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 2  | 69120     |    |
| 211 | Nguyễn bá Mùi        | 56 |    | Đ.H      | 15.111 | 2.88 | 01/09/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 4  | 138240    |    |
| 212 | Phạm hồng Ngân       | 58 |    | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 2.88 | 01/11/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 2  | 69120     |    |
| 213 | Trần thi Ngọc        |    | 57 | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 2.88 | 01/09/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 4  | 138240    |    |
| 214 | Phạm thi Minh Nguyệt |    | 55 | Đ.H      | 15.111 | 2.88 | 01/09/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 4  | 138240    |    |
| 215 | Đoàn công Quì        | 55 |    | Đ.H      | 15.111 | 2.88 | 01/09/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 4  | 138240    |    |
| 216 | Nguyễn thị Hoài Sơn  |    | 56 | Đ.H      | 15.111 | 2.88 | 01/09/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 4  | 138240    |    |

| A   | B                  | 1  | 2  | 3        | 4      | 5    | 6        | 7 | 8 | 9    | 10=9-5 | 11 | 12=10*11* | 13 |
|-----|--------------------|----|----|----------|--------|------|----------|---|---|------|--------|----|-----------|----|
| 217 | Nguyễn ích Tân     | 57 |    | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 2.88 | 01/11/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 2  | 69120     |    |
| 218 | Phạm ngọc Thạch    | 56 |    | T.Sỹ     | 15.111 | 2.88 | 01/11/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 2  | 69120     |    |
| 219 | Nguyễn văn Thắng   | 57 |    | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 2.88 | 01/12/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 1  | 34560     |    |
| 220 | Bùi thị Tho        |    | 54 | PTS      | 15.111 | 3.12 | 01/12/96 |   |   | 3.37 | 0.25   | 1  | 36000     |    |
| 221 | Nguyễn khắc Thời   | 54 |    | Đ.H      | 15.111 | 2.88 | 01/09/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 4  | 138240    |    |
| 222 | Vũ thị Thu         |    | 57 | Đ.H      | 15.111 | 2.88 | 01/11/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 2  | 69120     |    |
| 223 | Ngô thị Thuận      |    | 55 | PTS      | 15.111 | 3.12 | 31/12/96 |   |   | 3.37 | 0.25   | 1  | 36000     |    |
| 224 | Hoàng đình Tùng    | 57 |    | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 2.88 | 01/12/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 1  | 34560     |    |
| 225 | Ngô thị Tuyền      |    | 56 | Đ.H      | 15.111 | 2.88 | 01/09/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 4  | 138240    |    |
| 226 | Nguyễn đình Vinh   | 55 |    | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 2.88 | 01/09/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 4  | 138240    |    |
| 227 | Đỗ kim Chung       | 56 |    | Tiến Sỹ  | 15.111 | 2.88 | 01/09/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 4  | 138240    |    |
| 228 | Vũ đình Hòa        | 52 |    | Tiến Sỹ  | 15.111 | 2.88 | 01/12/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 1  | 34560     |    |
| 229 | Bùi thị Phúc       |    | 62 | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 2.64 | 01/09/96 |   |   | 2.88 | 0.24   | 4  | 138240    |    |
| 230 | Đỗ hữu Quyet       | 52 |    | PTS      | 15.111 | 2.88 | 31/12/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 1  | 34560     |    |
| 231 | Nguyễn Văn Song    | 58 |    | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 2.64 | 01/09/96 |   |   | 2.88 | 0.24   | 4  | 138240    |    |
| 232 | Nguyễn tuần Sơn    | 60 |    | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 2.64 | 01/09/96 |   |   | 2.88 | 0.24   | 4  | 138240    |    |
| 233 | Phan hữu Tôn       | 55 |    | Tiến Sỹ  | 15.111 | 2.88 | 31/12/96 |   |   | 3.12 | 0.24   | 1  | 34560     |    |
| 234 | Bùi nguyên Viễn    | 58 |    | Đ.H      | 15.111 | 2.64 | 01/09/96 |   |   | 2.88 | 0.24   | 4  | 138240    |    |
| 235 | Phạm văn Hùng      | 63 |    | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 2.4  | 01/11/96 |   |   | 2.64 | 0.24   | 2  | 69120     |    |
| 236 | Nguyễn thị Tú      |    | 60 | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 2.4  | 31/12/96 |   |   | 2.64 | 0.24   | 1  | 34560     |    |
| 237 | Hà.Việt Cường      | 70 |    | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 1.92 | 12/05/96 |   |   | 2.16 | 0.24   | 8  | 276480    |    |
| 238 | Bùi Trần Anh Đào   | 70 |    | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 1.92 | 12/05/96 |   |   | 2.16 | 0.24   | 8  | 276480    |    |
| 239 | Bùi viết Đức       | 67 |    | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 2.16 | 01/10/96 |   |   | 2.4  | 0.24   | 3  | 103680    |    |
| 240 | Trần Thị Minh Hằng |    | 71 | Đ.H      | 15.111 | 1.92 | 12/05/96 |   |   | 2.16 | 0.24   | 8  | 276480    |    |
| 241 | Nguyễn Thanh Lâm   | 68 |    | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 1.92 | 12/05/96 |   |   | 2.16 | 0.24   | 8  | 276480    |    |
| 242 | Ng. Thị Hoàng Lan  |    | 72 | Đ.H      | 15.111 | 1.92 | 12/05/96 |   |   | 2.16 | 0.24   | 8  | 276480    |    |
| 243 | Phạm Thị Hương Lan |    | 70 | Th.Sỹ-Ms | 15.111 | 1.92 | 23/02/96 |   |   | 2.16 | 0.24   | 11 | 380160    |    |
| 244 | Trần Lê Thanh      | 68 |    | Đ.H      | 15.111 | 1.92 | 23/02/96 |   |   | 2.16 | 0.24   | 11 | 380160    |    |

| A         | B                    | 1  | 2  | 3         | 4      | 5      | 6        | 7 | 8 | 9      | 10=9.5 | 11 | 12=10*11*  | 13 |
|-----------|----------------------|----|----|-----------|--------|--------|----------|---|---|--------|--------|----|------------|----|
| 245       | Hoàng Đức Liên       | 56 |    | Tiến sỹ   | 15.111 | 2.88   | 01/12/96 |   |   | 3.12   | 0.24   | 1  | 34560      |    |
| 246       | Nguyễn Thị Thọ       |    | 69 | Đ.H       | 15.111 | 1.92   | 25/08/96 |   |   | 2.16   | 0.24   | 5  | 172800     |    |
| 247       | Nguyễn Bá Tiếp       | 70 |    | Đ.H       | 15.111 | 1.92   | 24/08/96 |   |   | 2.16   | 0.24   | 5  | 172800     |    |
| 248       | Nguyễn Văn Đạt       | 59 |    | Đ.H       | 15.111 | 2.4    | 01/09/96 |   |   | 2.64   | 0.24   | 4  | 138240     |    |
| 249       | Nguyễn Thị Diễm      |    | 73 | Đ.H       | 15.111 | 1.92   | 29/10/96 |   |   | 2.16   | 0.24   | 3  | 103680     |    |
| 250       | Nguyễn Thị Nguyệt    |    | 70 | Đ.H       | 15.111 | 1.92   | 10/05/96 |   |   | 2.16   | 0.24   | 8  | 276480     |    |
| 251       | Chu Thị Kim Loan     |    | 68 | Đ.H       | 15.111 | 1.92   | 22/08/96 |   |   | 2.16   | 0.24   | 5  | 172800     |    |
| 252       | Nguyễn Quốc Oánh     | 68 |    | Đ.H       | 15.111 | 1.92   | 22/08/96 |   |   | 2.16   | 0.24   | 5  | 172800     |    |
| 253       | Nguyễn văn Đoàn      | 56 |    | CN-Sơ Cấp | 16.122 | 2.36   | 01/09/97 |   |   | 2.49   | 0.13   | 4  | 74880      |    |
| 254       | Nguyễn Phương Lê     |    | 73 | Đ.H       | 15.111 | 1.92   | 22/08/96 |   |   | 2.16   | 0.24   | 5  | 172800     |    |
| 255       | Nguyễn thị Liễu      |    | 58 | T.C       | 15.115 | 2.49   | 01/12/97 |   |   | 2.62   | 0.13   | 1  | 18720      |    |
| 256       | Nguyễn thị Xá        |    | 63 | T.C       | 15.115 | 2.24   | 01/12/97 |   |   | 2.36   | 0.12   | 1  | 17280      |    |
| 257       | Vũ thu Hường         |    | 48 | Đ.H       | 16.118 | 3.62   | 01/11/96 |   |   | 3.87   | 0.25   | 2  | 72000      |    |
| 258       | Ng. Thị Thúy Vinh    |    | 59 | Đ.H       | 16.118 | 2.64   | 01/12/96 |   |   | 2.88   | 0.24   | 1  | 34560      |    |
| 259       | Phan thị Minh Nguyệt |    | 51 | T.C       | 16.119 | 2.92   | 01/11/97 |   |   | 3.05   | 0.13   | 2  | 37440      |    |
| 260       | Bùi thị Kim Ninh     |    | 59 | T.C       | 16.121 | 2.29   | 01/12/97 |   |   | 2.41   | 0.12   | 1  | 17280      |    |
| 261       | Phạm Thị Thanh Mai   |    | 69 | Đ.H       | 17.170 | 2.26   | 01/11/96 |   |   | 2.5    | 0.24   | 2  | 69120      |    |
| 262       | Đặng thị Kim Thoa    |    | 45 | CN-Sơ Cấp | 16.122 | 2.62   | 01/11/97 |   |   | 2.75   | 0.13   | 2  | 37440      |    |
| Tổng cộng |                      |    |    |           |        | 763.45 |          |   |   | 816.29 | 52.84  |    | 21.418.560 |    |

(Trong danh sách có hai trăm sáu hai người)

Ngày 30 tháng 12 năm 1999

KT BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

THỨ TRƯỞNG



THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Phát

Ngày 24 tháng 11 năm 1999

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP I



Nguyễn Việt Trung